

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước  
về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Giá số 16/2023/QH15, điểm c khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá gồm: Tổ chức thực hiện bình ôn giá; định giá; kê khai giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; tổng hợp,

phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường; xây dựng, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá của Nhà nước; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Những nội dung quản lý của Nhà nước về giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá**

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15, các văn bản hướng dẫn thi hành và các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định này.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là các cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ trong từng ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công theo Quyết định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá**

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, phân đạm, phân DAP, phân NPK, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuộc danh mục thuốc thiết yếu.

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá số 16/2023/QH15.

đ) Sở Tài chính chủ trì trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm b, điểm c, Khoản 1, Điều 20 Luật Giá số 16/2023/QH15.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính.

4. Đối với trường hợp thực hiện bình ổn giá tại phạm vi địa phương theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 20 Luật Giá số 16/2023/QH15:

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện rà soát, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế gửi báo cáo kết quả thực hiện và văn bản đề xuất biện pháp, phương án bình ổn giá đến Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc bình ổn giá tại địa phương; trong quá trình thực hiện bình ổn giá thường xuyên rà soát, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế và tổng hợp kết quả thực hiện bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý ngành, lĩnh vực tại điểm a khoản này tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc bình ổn giá tại địa phương và báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

### **Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá**

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, trong các trường hợp sau:

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá;
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa;
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và trình văn bản định giá trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

a) Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước của xã, phường và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân xã, phường.

b) Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp xã, phường.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá.

4. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

5. Cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định phương án giá được quy định tại **Phụ lục I** ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

7. Trường hợp cần đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực liên quan hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, gồm:

a) Dịch vụ lưu trú;

b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

- c) Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn;
- d) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
- đ) Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;
- e) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước);
- g) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- h) Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng.

2. Trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường.

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

### 3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

a) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

### 4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá.

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quyết định này, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

### 5. Đối tượng thực hiện kê khai giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể, thống kê và lựa chọn

các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu ban hành danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

### **Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá**

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại các Điều 4, 5 và 6 Quyết định này.

### **Điều 8. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và chế độ báo cáo giá thị trường**

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Sở Tài chính;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 9, Điều 10 Quyết định này.

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Chế độ báo cáo giá thị trường

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo nhiệm vụ được phân công.

b) Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Giá số 16/2023/QH15; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại **Phụ lục II** và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

## **Điều 9. Báo cáo giá thị trường định kỳ**

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, thực phẩm, thịt lợn hơi, thịt lợn nạc thăn, đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

b) Sở Công Thương

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng: Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

c) Sở Y tế

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

d) Sở Xây dựng

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) tại Mục III Phụ lục II và danh mục Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở

giáo dục mầm non và phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục.

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật).

e) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

g) Ủy ban nhân dân xã, phường

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn xã, phường quản lý đối với nhóm hàng hóa thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC (trừ hàng hóa quy định tại điểm a khoản này).

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

b) Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính

- Báo cáo tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 26 của tháng báo cáo.

- Báo cáo quý; 6 tháng; 9 tháng và cả năm: Thực hiện báo cáo tương ứng báo cáo Quý II và báo cáo 6 tháng; báo cáo Quý III và 9 tháng; báo cáo Quý IV và cả năm; thời gian gửi các báo cáo chậm nhất vào ngày 26 của tháng cuối cùng kết thúc quý tương ứng.

Trường hợp ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngày sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

### **Điều 10. Báo cáo giá thị trường đột xuất**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất trên địa bàn gửi Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời để tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

### **Điều 11. Xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

### **Điều 12. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

## 2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

### **Điều 13. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá**

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân xã, phường chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân xã, phường chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

#### **Điều 14. Thẩm định giá của Nhà nước**

1. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp thẩm quyền quyết định, phê duyệt giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá của Nhà nước.

2. Các nội dung về Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại các Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65 Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 66 Luật Giá số 16/2023/QH15.

#### **Điều 15. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá**

##### 1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân xã, phường về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

##### 2. Các sở, ngành, cơ quan:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, lĩnh vực theo phân công tại các Điều 4, 5 và 6 Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

##### 3. Ủy ban nhân dân xã, phường:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân xã, phường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 4, 5 và 6 của Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 16. Xây dựng, phê duyệt và ban hành Kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá**

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Quyết định này:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, phân cấp cho Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm khoản 2, khoản 3 Điều 15 Quyết định này:

Phân cấp cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 28/2024/TT-BTC; điều chỉnh kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

**Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở, thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Như khoản 4 Điều 17 (Thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KTTH (Tuân). *Phan Huy Ngọc*



**Phan Huy Ngọc**

**PHỤ LỤC I**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ**  
*(Kèm theo Quyết định số: Ủb./2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân xã, phường (nếu có)	Cơ quan Thẩm định trình phương án giá
<b>A</b>	<b>Định khung giá</b>		
1	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
<b>B</b>	<b>Định giá tối đa</b>		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
<b>C</b>	<b>Định giá cụ thể</b>		
<b>I</b>	<b>Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của cấp Bộ quy định</b>		
1	Nước sạch		
1.1	Nước sạch khu vực đô thị	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
1.2	Nước sạch khu vực nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
<b>II</b>	<b>Định giá cụ thể</b>		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân xã, phường (nếu có)	Cơ quan Thẩm định trình phương án giá
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở cơ quan, quản lý ngành, lĩnh vực	
3.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
3.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã		Ủy ban nhân dân xã, phường
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước		
5.1	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5.2	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã	Ủy ban nhân dân xã, phường	Ủy ban nhân dân xã, phường
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân xã, phường (nếu có)	Cơ quan Thẩm định trình phương án giá
7.1	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7.2	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà	Ủy ban nhân dân xã, phường	Ủy ban nhân dân xã, phường
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước		
9.1	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9.2	Hạ tầng dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước		
10.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đầu mối được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương	Sở Công thương
10.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ dân sinh được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Ủy ban nhân dân xã, phường	Ủy ban nhân dân xã, phường
<b>III</b>	<b>Định giá khác (khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)</b>		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân xã, phường (nếu có)	Sở quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân xã, phường (nếu có)

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ VÀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: *06*./2026/QĐ-UBND ngày *29* tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá
<b>A</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước</b>		
<b>I</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá</b>		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thiết yếu		Sở Y tế
<b>II</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng</b>		
1	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		Sở Tư pháp
<b>III Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành</b>			
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		
3.1	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		Sở Xây dựng
3.2	Hạ tầng dịch vụ viễn thông		Sở Khoa học và Công nghệ
4	Thép xây dựng		Sở Công thương
5	Than		Sở Công thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Xây dựng
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Xây dựng
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
14	Thiết bị y tế		Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
<b>B</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương</b>		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Vật liệu xây dựng: Đất đắp nền, san lấp; đá; cát; sạn và vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước).	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng